

QUẢN LÝ TRI THỨC VÀ TĂNG CƯỜNG PHỔ BIẾN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC VÀO THỰC TIỄN

PGS. TS. VƯƠNG THANH HƯƠNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Để vận dụng tốt nhất các sản phẩm/kết quả nghiên cứu giáo dục (NCGD) trong hoạch định chính sách và thực hành giảng dạy, cần chú ý ba vấn đề: Thứ nhất, thống kê đầy đủ và phổ biến rộng rãi các nghiên cứu về khoa học giáo dục (GD) đã tiến hành. Thứ hai, các công trình nghiên cứu đang tiến hành sẽ bị thiếu hụt nếu không dựa trên nền tảng kết quả của các nghiên cứu đi trước. Thứ ba, để sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí hạn hẹp đầu tư cho NCGD, cần tập trung hợp lý vào các nghiên cứu theo định hướng người sử dụng, chú trọng đến tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu giải quyết vướng mắc của GD trong thực tiễn. Vì vậy, để quản lý (QL) NCGD thành công, cần đề ra các điều kiện hợp lý, xây dựng khung các chủ đề nghiên cứu hay định hướng nghiên cứu theo hướng dễ tiếp cận, có khả năng tích lũy, tận dụng được thành quả của các nghiên cứu đã có và tập trung vào tính hữu dụng trong bối cảnh GD hiện tại. Một trong những biện pháp góp phần tích cực nâng cao hiệu quả ứng dụng sản phẩm NCGD là việc QL và tích lũy tri thức, tăng cường phổ biến thông tin về các kết quả NCGD trong nước và quốc tế tới đông đảo các cá nhân, tổ chức quan tâm [1].

2. QL và tích lũy tri thức về NCGD trong một xã hội học tập

Quá trình tạo ra tri thức được Gibbons và cộng sự (2000) cho rằng phải đáp ứng các yêu cầu: Được vận dụng; Chú trọng vào vấn đề cần giải quyết; Có tính liên môn; Hướng vào nhu cầu; Có tính kinh doanh; Được kiểm chứng về trách nhiệm; Gắn với các mạng lưới.

Theo Alan Frost (2012), QL tri thức được hiểu là QL có hệ thống tài sản tri thức của một tổ chức cho mục tiêu tái tạo giá trị và đáp ứng các yêu cầu chiến lược. Nó bao gồm các sáng kiến, quá trình, chiến lược và các hệ thống để duy trì, gia tăng việc lưu trữ, đánh giá, chia sẻ, làm mới và sáng tạo tri thức. QL tri thức liên quan đến những hiểu biết về tri thức tồn tại dưới hình thức nào và ở đâu; nhu cầu của một tổ chức cần tìm hiểu là gì; làm thế nào để khuyến khích văn hóa tích cực học hỏi, chia sẻ và sáng tạo tri thức; làm thế nào để sản sinh ra tri thức phù hợp với đúng đối tượng và đúng thời điểm; làm thế nào QL được các yếu tố trên nhằm tăng cường áp dụng phù hợp với các mục tiêu, chiến lược của tổ chức trong ngắn hạn với các cơ hội và thách thức hiện nay. Như vậy, để QL tri thức có hiệu quả, cần có công cụ, con người, cấu trúc và văn hóa của một tổ chức,... phù hợp. QL và tích lũy tri thức trong nghiên cứu và phát triển GD được tiến hành dưới nhiều hình thức và được nhiều quốc gia áp dụng rộng rãi, đó là:

2.1. Xây dựng kho tư liệu và phát triển các nguồn tin về khoa học GD

Các trường đại học, tổ chức NCGD thường chú trọng xây dựng các thư viện chuyên ngành theo giới hạn hoạt động và nghiên cứu hướng tới các nhóm đối tượng sử dụng cụ thể. Ngoài các dịch vụ cung cấp thông tin truyền thống, hầu hết các thư viện, các trung tâm thông tin hiện

nay đã và đang phát triển các nguồn thông tin, cơ sở dữ liệu điện tử để người sử dụng dễ dàng truy cập và chia sẻ thông tin cũng như kết quả nghiên cứu khoa học.

2.2. Nghiên cứu về cung và cầu

Đây là những nghiên cứu được gọi là nghiên cứu theo “định hướng người cung cấp”, giúp cho các kết quả nghiên cứu từ các đơn vị nghiên cứu hoặc các tri thức được sản sinh đáp ứng nhu cầu người sử dụng. Sự tham gia của các đơn vị/nhóm đối tượng sử dụng được khuyến khích ngay từ khi bắt đầu triển khai vấn đề nghiên cứu. Tuy nhiên, người sử dụng cần học hỏi, bồi dưỡng để hiểu được cách thức tiến hành nghiên cứu và chấp nhận bản chất nghiên cứu về mặt lâu dài đối với các vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội nói chung và trong nghiên cứu khoa học GD nói riêng.

2.3. Mở rộng vai trò của người làm công tác GD trong QL tri thức

Sự hợp tác này nhằm thúc đẩy quá trình tham gia tích cực của các nhà GD, giảng viên, giáo viên trong các nhà trường thể hiện giá trị của việc chia sẻ tri thức và kinh nghiệm giữa các trường với nhau. Đây là yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở GD đại học, bao gồm cả các trường sư phạm về việc phải tiến hành nghiên cứu. Đây là thông điệp về chuyên môn đối với các nhà GD, giảng viên và giáo viên. Họ cần tiếp cận, cập nhật, nếu không phải là trực tiếp tham gia vào các hoạt động NCGD.

2.4. Thiết lập và sử dụng các mạng lưới QL tri thức

Nhiều nhà NCGD cho rằng sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ dạy học sử dụng trong nhà trường và sự gia tăng sử dụng mạng Internet như một nguồn thông tin để tiếp cận trong giảng dạy, học tập, góp phần làm giảm tính cô lập, tách rời của nhà trường.

Cơ chế QL GD của New Zealand đã chuyển từ QL tập trung ở các cơ quan trung ương sang hệ thống QL theo định hướng thị trường với những thay đổi như mô hình trường phổ thông tự quản và tăng tính cạnh tranh trong GD đại học. Theo số liệu của UNESCO, New Zealand có số lượng lớn giáo viên trẻ ở lĩnh vực GD đại học, cao hơn nhiều so với hầu hết các nước châu Âu khác. Điều này đặt ra vấn đề về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng, trình độ chuyên môn trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên này. Để tận dụng lợi thế, cơ hội cho nâng cao chuyên môn và phát triển nghề nghiệp, ở cấp độ địa phương, các trường được khuyến khích nhóm lại thành “cụm trường” để sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu online, các phần mềm dạy học có thể dùng chung, thư viện trực tuyến...

2.5. Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ QL tri thức

Việc ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin và truyền thông trong GD, QL GD đã diễn ra ở hầu hết các quốc gia phát triển và đang phát triển. New Zealand đã đạt được những tiến bộ hơn nhiều nước trong một số lĩnh vực như: Phát triển mạng lưới công nghệ thông tin và truyền thông kết nối các tổ chức GD với nhau và các đơn vị khác trong QL tri thức; Thiết lập các diễn đàn để



đưa ra chiến lược, định hướng chỉ đạo cho nghiên cứu và phát triển GD cũng như các hoạt động dự báo cho NCGD; Phát triển sự hợp tác giữa nhà trường và nhà NCGD.

Năm 1998, Chính phủ New Zealand đã tiến hành chương trình GD tương tác: *Chiến lược công nghệ thông tin và truyền thông cho các trường học*. Chương trình tiến hành trong 3 năm, gồm hai phần: Xây dựng cơ sở hạ tầng và tăng cường năng lực cho các trường liên kết với nhau trong các sáng kiến mới. Dự án Ngân hàng công cụ đánh giá (ARBs) là một tập hợp các nguồn công cụ đánh giá được đưa lên mạng Internet. Các công cụ này được xây dựng để giúp nhà trường và giáo viên đánh giá thành tích học tập của học sinh trong các môn Toán, Khoa học, Tiếng Anh. Các bản đánh giá mẫu có sẵn trên mạng được xây dựng để hỗ trợ các chương trình đọc và viết thông qua việc cung cấp cho giáo viên những ví dụ về chuẩn cần đạt ở học sinh tại mỗi mức độ của chương trình giảng dạy [2].

3. Tăng cường các hình thức phổ biến thông tin về kết quả NCGD

Các hình thức chia sẻ, phổ biến thông tin về kết quả NCGD khá đa dạng, dưới đây là một số ví dụ cụ thể:

3.1. Nghiên cứu của tháng

Hội đồng Dạy học Tổng thể (GTC) - Vương quốc Anh- cam kết phát triển dạy học như một nghề dựa trên dẫn chứng. Theo đó, giáo viên có thể tạo ra lợi nhuận trực tiếp từ nghiên cứu của những người khác, cũng như sự hỗ trợ nghiên cứu ban đầu của chính mình. Mục tiêu *Nghiên cứu của tháng* là thăm vấn nghiên cứu từ người thực hành. Theo quan điểm của GTC, nghiên cứu được chọn lựa theo: Làm sáng tỏ các nhiệm vụ phức tạp trong dạy học; Giúp giáo viên nhìn nhận rõ ràng các mối liên kết và yếu tố cấu thành liên kết giữa học sinh và thực tiễn; Cung cấp thông tin chi tiết về các quá trình dạy và học cụ thể trong lớp học; Được viết và trình bày theo cách dễ tiếp cận, trong trường hợp giáo viên muốn có và muốn đọc văn bản gốc.

Với từng chủ đề nghiên cứu, nhóm nghiên cứu của Trung tâm Sử dụng Nghiên cứu và Dẫn chứng trong GD (CUREE) sẽ đánh giá, chọn lựa và tổng kết một hoặc một số ấn phẩm nghiên cứu. Từng chủ đề sẽ được trình bày và cấu trúc theo hàng loạt câu hỏi do GTC thiết kế để cung cấp các thông điệp cho giáo viên và giảng viên. Các nghiên cứu điển hình chất lượng cao là những ví dụ minh họa các kết quả nghiên cứu. Hai trong số những tiêu chí đánh giá để chọn lựa đưa vào các *Nghiên cứu của tháng* là các nghiên cứu trực tiếp và có liên quan phải đảm bảo tiêu chí minh bạch về nguồn trích dẫn và chất lượng phương pháp luận được sử dụng trong tiến hành nghiên cứu [3].

3.2. Các tóm tắt nghiên cứu trên trang web

Các kết quả NCGD được đánh giá và nghiệm thu đảm bảo chất lượng theo nhóm đối tượng sử dụng cụ thể (cán bộ QL GD địa phương, giáo viên, giảng viên và phụ huynh). Một phần trong công việc này là tìm kiếm sự đảm bảo và đề xuất ý tưởng mà các nhóm đối tượng này có thể cung cấp về các lĩnh vực ưu tiên trong NCGD. Người nghiên cứu sẽ được mời để tóm tắt nghiên cứu của mình khoảng 3-4 trang theo nhiều nguồn khác nhau. Số lượng tóm tắt kết quả nghiên cứu đăng tải trên trang web tăng lên hàng năm. Vương quốc Anh, New Zealand còn thành lập các hội đồng đánh giá để đưa ra những nhận xét về các tóm tắt kết quả nghiên cứu đăng tải trên trang web, thậm chí xây dựng các diễn đàn thảo luận theo từng chủ đề nghiên cứu cho các đối tượng cụ thể.

3.3. Báo cáo toàn văn và báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu

Hiện nay, nhiều tổ chức NCGD ở Vương quốc Anh cam kết công bố tất cả các nghiên cứu thuộc thẩm quyền của mình. Các báo cáo đầy đủ được đăng trên trang web hoặc công bố ở dạng bản in. Các báo cáo tóm tắt đều kèm địa chỉ thư điện tử để người đọc dễ dàng yêu cầu các thông tin chi tiết hơn. Một số báo cáo nghiên cứu đã tạo được hứng thú về yêu cầu thông tin nghiên cứu nhiều hơn những gì mà kết quả nghiên cứu đã công bố trong chủ đề đó. Nhiều khi các nhà nghiên cứu được mời tham gia giảng dạy tại các khoá đào tạo trong các chương trình đại học tại chức hoặc các hội thảo của nhà trường, nơi học sinh, giáo viên muốn có thông tin minh bạch và cụ thể hơn.

3.4. Tạp chí dành cho giáo viên

Đây là những tạp chí giải quyết các vấn đề về nghề dạy học. Nó mang tính tạm thời, thách thức, khuấy động tư duy, đa dạng, thú vị, mang tính thông tin, chuyên nghiệp và giải trí. Tạp chí nhằm giúp các giáo viên ở Vương quốc Anh có quan điểm thông tin về những gì đang diễn ra trong nhà trường. Tạp chí viết về các giáo viên tiểu học và trung học, định hình một phần về quyền lãnh đạo đối với tổ trưởng bộ môn, giáo viên lâu năm và hiệu trưởng. Từ tháng 1 năm 2002, có hai loại tạp chí, một loại dành cho giáo viên tiểu học và loại dành cho giáo viên trung học. Khoảng 360.000 bản copy được gửi trực tiếp tới nơi ở của giáo viên và 230.000 bản còn lại gửi về trường học. Đây là những bài báo nghiên cứu rời rạc nhằm tăng cường các nghiên cứu/vấn đề nghiên cứu cần xem xét trong nghề dạy học.

3.5. Các hội thảo và seminar

Trong những năm gần đây, tại New Zealand và Vương quốc Anh, các hoạt động nghiên cứu phát triển tập trung vào nghiên cứu định hướng người sử dụng. Trong các hội thảo hàng năm, giáo viên đóng góp nhiều hơn về quy trình thực hiện và sử dụng nghiên cứu theo các dự án nghiên cứu cụ thể. Gần đây, các kết quả nghiên cứu về giáo viên do Tổ chức Đào tạo Giáo viên tài trợ cho một nhóm nghiên cứu dựa trên nhà trường đã được báo cáo tại hội thảo quốc gia, các hội thảo lớn về giáo viên và những đóng góp của giáo viên trong NCGD. Ngoài ra, họ cũng tổ chức các seminar nhỏ hơn dành cho các nhà hoạch định chính sách cấp cao, các nhà QL GD. Tại các seminar này, nghiên cứu viên sẽ tổng kết các nghiên cứu đã hoàn thành hoặc đang triển khai, sau đó nêu các câu hỏi và thảo luận.

4. Kết luận

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD Việt Nam hiện nay, vấn đề QL tri thức và chia sẻ, phổ biến thông tin kết quả NCGD càng trở nên cấp thiết. Các nhà NCGD quốc tế và Việt Nam đều cho rằng có 3 nhóm vấn đề cần được cải thiện có liên quan đến QL tri thức, phổ biến các kết quả NCGD là:

Xây dựng chương trình và kế hoạch quốc gia cho hoạt động nghiên cứu và phát triển GD nhằm khuyến khích các dự án, đề tài nghiên cứu hiện chưa được đưa vào lĩnh vực ưu tiên trong chương trình, chính sách. Trong xu thế hội nhập quốc tế hiện nay, một số vấn đề cần được ưu tiên như GD và phát triển cộng đồng, học tập suốt đời, năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên/giảng viên,... Để định hình và xác định đúng các hướng NCGD trong bối cảnh hiện nay, cần tổ chức nhiều hơn các trao đổi, tranh luận giữa những bên liên quan, bao gồm chính phủ, nhà trường, nhà NCGD và cộng

đồng, nhằm xây dựng một quan điểm chung về những vấn đề cần quan tâm trong GD.

Tổ chức nguồn kinh phí cho nghiên cứu và phát triển GD để tạo lập nguồn tri thức NCGD đa dạng. Nguồn kinh phí này từ ngân sách nhà nước, từ các chương trình quốc gia, từ hợp tác quốc tế, từ các quỹ khoa học, phát triển cộng đồng và từ nhiều nguồn khác. Bên cạnh đó, cần thiết lập phương thức phân bổ kinh phí phù hợp cho các loại hình NCGD khác nhau. Cách phân loại thông thường chia các hoạt động nghiên cứu thành ba loại: Cơ bản, chiến lược và ứng dụng. Nghiên cứu cơ bản không gắn chặt với những mục tiêu thực tiễn cụ thể mà tiến hành chủ yếu nhằm tiếp nhận tri thức mới làm nền tảng cho các sự vật, hiện tượng. Nghiên cứu chiến lược nằm giữa nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, song có phạm vi thời gian dài hơn và mục tiêu rộng lớn hơn nghiên cứu ứng dụng. Nghiên cứu ứng dụng thường hướng tới những mục tiêu thực tiễn cụ thể. Các nghiên cứu đánh giá là một ví dụ cơ bản của loại hình nghiên cứu ứng dụng trong GD.

Xây dựng các chiến lược cho quá trình tương tác giữa người nghiên cứu và người sử dụng kết quả nghiên cứu nhằm mở rộng, sáng tạo hơn với nhiều hình thức phổ biến kết quả NCGD và các chương trình phát triển dựa vào nghiên cứu; Hợp tác chặt chẽ hơn giữa các cơ sở nghiên cứu và giữa các đơn vị nghiên cứu trong cùng một cơ sở nghiên cứu; Tạo nhiều hơn các cơ hội chính

thức cho sự liên kết giữa nhà nghiên cứu, nhà hoạch định chính sách và đội ngũ giáo viên, giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Trịnh Kim Châu (Bùi Đức Thiệp dịch), *Sứ mệnh thời đại của GD học*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 44, trang 58 – 63.
- [2]. OECD, (2003), *New challenges for educational research - case studies of United Kingdom and New Zealand*.
- [3]. Gibbons M, *The new production of knowledge*, Review of national educational research and development system, OECD, March 2000.
- [4]. Vương Thanh Hương, *Sử dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong xây dựng chính sách giáo dục ở một số nước*, Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 6, 2002, trang 36-38.

SUMMARY

In the context of the current fundamental and comprehensive education renewal in Vietnam, the issue of knowledge management and information sharing/ dissemination in educational research findings has become more urgent. To successfully manage educational researches, we should set up reasonable conditions, framework research topics or directions towards easy accesses, be able to accumulate, utilize the achievement of previous researches, and focus on their usefulness into the current education context.

Keywords: Knowledge management; educational research; practice.

VĂN HÓA TỔ CHỨC VÀ VĂN HÓA... (Tiếp theo trang 12)

4. Kết luận

Áp dụng quan niệm văn hóa tổ chức vào quản lý nhà trường như một tổ chức giáo dục làm nảy sinh một cách tiếp cận trong quản lý nhà trường. Tiếp cận này có những nguyên tắc và đặc điểm rất thích hợp với quản lý giáo dục hiện đại, ảnh hưởng mạnh mẽ đến nghệ thuật quản lý nói chung và phong cách quản lý nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Schein, Edgar, (1992), *Organizational Culture and Leadership: A Dynamic View*. San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- [2]. Deal T. E. and Kennedy, A. A., (1982, 2000), *Corporate Cultures: The Rites and Rituals of Corporate Life*, Harmondsworth, Penguin Books, reissue Perseus Books.
- [3] Kotter, J. P.; Heskett, James L., (1992), *Corporate Culture and Performance*. New York: The Free Press. ISBN 0-02-918467-3.
- [4] Needle, David, (2004), *Business in Context: An Introduction to Business and Its Environment*, ISBN 978-1861529923.
- [5]. Ravasi, D.; Schultz, M., (2006), "Responding to organizational identity threats: Exploring the role of organizational culture". *Academy of Management Journal* 49 (3): 433-458.
- [6] Phillips, G., (1993), *The school-classroom culture assessment*, Vancouver, British Columbia: Eduserv, British Columbia School Trustees Publishing.
- [7]. Wagner, C., (2000), *School culture analysis. Address presented at the annual meeting of the Manitoba Association of Resource Teacher (MART)*, Winnipeg, Manitoba.

- [8]. J. Smyth, P. McInerney, R. Hattarn, M. Lawson, (1999), *School Culture As the Key to School Reform*, Flinders Institute for Study of Teaching, Flinders University of South Australia.
- [9]. Đặng Thành Hưng, (2014), *Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại*, Tập 1 và Tập 2, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
- [10]. Deal, T.E., & Peterson, K.D., (1994), *The leadership paradox: Balancing logic and artistry in schools*. San Francisco: Jossey-Bass.
- [11]. Stolp, Stephen, and Stuart C. Smith, (1994), "School Culture and Climate: the Role of the Leader". *OSSC Bulletin*. Eugene: Oregon School Study Council, January 1994.
- [12]. Deal, Terrence E., (1993), "The Culture of Schools", In *Educational Leadership and School Culture* edited by Marshall Sashkin and Herbert J. Walberg. Berkeley, California: McCutchan Publishing.

SUMMARY

Organizational culture and school culture are related to each other through combination of management. It is approach of organizational culture in school management. This article presents concepts of organizational culture and school culture; approach of organizational culture in school management; analysis of role of organizational culture and school culture in management, principles of organizational cultural approach in school management.

Keywords: Organizational culture; school culture; educational management.